TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 694/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Hải Dương – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn Sơn Hải 1, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ tạm trú: Số 149 Hà Văn Lao, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Cao Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số 149 Hà Văn Lao, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 14/10/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Cao Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân

xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2009. Sau khi cưới ông bà về chung sống ở: Số 149 đường Hà Văn Lao, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một thời gian chung sống, cách đây 02 năm bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông H thường hay nhậu, không lo cho gia đình, ông H sửa xe gắn máy nhưng ngày làm ngày nghỉ, ông H không quan tâm đến vợ con, mỗi khi bà có trao đổi thì ông H lại hay chửi bà. Từ cuối năm 2019 đến nay, ông H không chịu đi làm bất cứ công việc gì, vì vậy không có phụ bà về mặc kinh tế để cho bà lo cho các con. Ai giới thiệu việc làm thì ông H cũng không chịu làm và tỏ vẻ khó chịu. Áp lực kinh tế để lo cho gia đình thì toàn bộ do bà gánh vác. Đã vậy lại hay nhậu, mà mỗi lần nhậu thì chỉ rủ em rể bà nhậu. Em rể bà cũng khuyên ông H đi làm nhưng ông H cũng không nghe. Cuộc sống của ông bà căng thẳng, tuy ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai nói với ai câu nào. Cuộc sống quá căng thẳng nên thời gian gần đây ba của bà có vào giải hòa cho hai vợ chồng, nhưng xét thấy ông H không có sự thay đổi nên mới tính đường cho ông bà ly hôn và ba của bà trở về quê ở Ninh Thuận để sắp xếp chỗ ở cho cả bốn mẹ con bà về quê để ở. Ông bà đã ly thân hơn 2 năm nay. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H nên đã quyết định treo bản bán nhà và đầu tháng 6 năm 2020 và bà đã dọn ra thuê nhà trọ sống riêng tại: Phòng trọ số 3, nhà đối diện số nhà 72A, đường Nguyễn Thị Rư, tổ 9, khu phố 3, thị trấn C, Huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn H.

Về con chung: Bà H trình bày có 03 người con chung tên: Cao Nguyễn H, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/8/2012, Cao Nguyễn Nhật K, sinh ngày 10/9/2018. Bà xin được quyền nuôi con tên Cao Nguyễn Gia H, Cao Nguyễn Nhật K, và giao cho ông H trực tiếp nuôi con tên Cao Nguyễn H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày là tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H trình bày là không có.

- Tại Bản tự khai ngày 29/5/2020 và Biên bản không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/5/2020 ông H trình bày: Ông và bà H yêu thương nhau nên đã đến với nhau vào năm 2008, đến năm 2009 thì có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, ông bà thuê nhà ở Khu phố 7, thị trấn C để ở. Cuộc sống khá H phúc, ông làm nghề sửa xe máy, còn bà H ở nhà nội trợ và lo cho các con. Ông bà có 03 đứa con chung: Cao Nguyễn H, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/8/2012, Cao Nguyễn Nhật K, sinh ngày 10/9/2018. Năm 2019, ông bà mới mua nhà ở xã T, huyện C và chuyển về đó để ở nhưng cũng từ khi chuyển qua sống ở đó thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là xuất phát từ kinh tế, ông cũng làm nghề sửa xe nhưng thu nhập ít hơn trước, nhưng tháng nào ông cũng đưa tiền cho bà H lo cho gia đình, trung bình ông đưa cho bà H mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Kinh tế eo hẹp, lo cho ba con khá vất vả nên bà H mới đi làm công nhân ở Công ty Hanse. Cũng

từ đó, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng ít nói chuyện với nhau, mỗi lúc ông muốn gần gũi vợ chồng để cởi mở, chia sẻ với bà H thì đều bị bà H từ chối. Bản thân ông không có quan hệ lăng nhăng với người phụ nữ khác, vẫn yêu thương gia đình, hằng ngày vẫn lo phụ vợ trong công việc gia đình và cũng có chở con cái đi học, chỉ lâu lâu thì có nhậu vào buổi tối với bạn bè nhưng không nhậu thường xuyên. Hai vợ chồng đã ly thân đã hai năm nay. Thật sự ông không nhận thấy vì lý do gì mà bà H lại muốn ly hôn. Các con của ông bà đang trong tuổi lớn khôn, gia đình nội ngoại hai bên đều không ai mong muốn hôn nhân của ông bà đổ vỡ. Ông và bà H có sự chênh lệch về tuổi tác rất lớn nhưng ông đã cố gắng hết mức và yêu thương bà H rất nhiều nên ông bà mới đến được với nhau. Do đó, ông hy vọng bà H suy nghĩ cân nhắc lại việc ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà H và nhờ Tòa hòa giải để ông bà được đoàn tụ gia đình và cùng chăm lo cho các con. Nếu buộc phải ly hôn thì ông xin nuôi cả 3 con chung. Về tài sản sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Tại Biên bản làm việc ngày 11/6/2020 và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 29/6/2020 bà H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn H. Khi nộp đơn ly hôn, bà định giao con tên Cao Nguyễn H cho ông H trực tiếp nuôi, còn bà nuôi hai con còn lại nhưng bà nhận thấy bản thân ông H còn chưa lo cho ông được. Do vậy, bà thay đổi yêu cầu: Bà yêu cầu nuôi cả ba con và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà đang thu xếp chuyển trường cho các con về quê ở tỉnh Ninh Thuận cho các cháu học và bà cũng chuyển về ở Ninh Thuận để làm việc và nhờ ba mẹ bà phụ giúp đưa đón các cháu đi học. Về tài sản sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa bà H trình bày: Sau khi kết hôn, ông bà phải thuê nhà trọ ở Thị trấn C để sinh sống, đến năm 2019 gia đình mới hỗ trợ ông bà đi mua nhà ở xã T, huyện C và chuyển về đó để ở. Bà ở nhà nội trợ và chăm lo cho các con, còn ông H trước đây làm bảo vệ, sau này ông H chuyển sang làm nghề sửa xe. Mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ khi sinh đứa con thứ hai nhưng đến khi chuyển qua sống ở xã T, huyện Cthì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do bà không còn thấy yêu thương ông H; ông H nói dối bà về việc đi làm sửa xe máy thu nhập mỗi tháng thực tế có khoảng 5.000.000 đồng nhưng đã mượn nợ của người chủ để đưa tiền về nhà cho bà lo cho gia đình mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, về sau bà mới phát hiện ra sự việc này và ông H cũng nghỉ làm việc ở đó luôn; ông H ở nhà đi ăn nhậu, nên bà không thích. Kinh tế khó khăn, áp lực lo cho các con, bà buộc phải đi làm công nhân ở Công ty Hanse. Bà H khẳng định cả bà và ông H đều không có quan hệ với người thứ ba nhưng cuộc sống của hai vợ chồng ngày càng ngột ngạt, ở nhà ông bà không thể nói chuyện với nhau. Về sau, bà nghỉ việc ở Công ty Hanse và ra thuê nhà trọ khác tại thị trấn C để ở cho tiện việc đi bán hàng tại gần trường tiểu học Tân Thành, thuộc thị trấn Củ Chi. Hiện tại bây giờ trường đang nghỉ hè, bà cũng không buôn bán gì được, thu nhập hiện tại không có nên bà đã quay trở về nhà tại xã T, huyện C để ở. Nay bà nhận thấy không còn tình

cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H; xin nuôi cả ba con là Cao Nguyễn H, Cao Nguyễn Gia H, Cao Nguyễn Nhật K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn ông Cao Văn H; giao 03 người con chung Cao Nguyễn H, Cao Nguyễn Gia H và Cao Nguyễn Nhật K cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi bà H có yêu cầu; về quan hệ nợ chung: Không có; về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 14/10/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Cao Văn H hiện đang cư trú tại: Số 149 Hà Văn Lao, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao Văn H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Văn H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Cao Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H thì mặc dù ông bà ở nhà thuê nhưng cuộc sống của hai vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và đã có 03 con chung, được sự hỗ trợ của gia đình, ông bà cũng đã mua được nhà tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà H trình bày thì mâu thuẫn phát sinh từ khi sinh đứa con thứ hai nhưng đến khi chuyển nhà qua ở xã T thì phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do bà không còn thấy yêu thương ông H. Ông H nói dối bà về việc đi làm sửa xe máy thu nhập mỗi tháng thực tế có khoảng 5.000.000 đồng nhưng đã mượn nợ của người chủ để đưa tiền về nhà cho bà lo cho gia đình mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, về sau bà mới phát hiện ra sự việc này và ông H cũng nghỉ làm việc ở đó luôn. Ông H ở nhà đi ăn nhậu, nên bà không thích. Kinh tế khó khăn, áp lực lo cho các con, bà buộc phải đi làm công nhân ở Công ty Hanse. Bà H khẳng định cả bà và ông H đều không có quan hệ với người thứ ba, nhưng cuộc sống của hai vợ chồng ngày càng ngột ngạt, ở nhà ông bà không thể nói chuyện với nhau. Về sau, bà nghỉ việc ở Công ty Hanse và ra thuê nhà trọ khác tại thị trấn Củ Chi để ở cho tiện việc đi bán hàng tại gần trường tiểu học Tân Thành, thuộc thị trấn Củ Chi. Hiện tại bây giờ trường đang nghỉ hè, bà cũng không buôn bán gì được, thu nhập hiện tại không có nên bà đã quay trở về nhà tại xã T, huyện C để ở.

Xét lời trình bày của ông Cao Văn H: Về vấn đề kết hôn giống phần trình bày của bà H. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2019, khi mà chuyển qua sống ở nhà mới ở xã T. Nguyên nhân là xuất phát từ kinh tế, ông cũng làm nghề sửa xe nhưng thu nhập ít hơn trước nhưng tháng nào ông cũng đưa tiền cho bà H lo cho gia đình, trung bình ông đưa cho bà H mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Trước đây bà H chỉ ở nhà lo nội trợ và chăm sóc cho các con nhưng nay kinh tế eo hẹp, lo cho ba con khá vất vả nên bà H mới đi làm công nhân ở Công ty Hanse. Cũng từ đó, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng ít nói chuyện với nhau, mỗi lúc ông muốn gần gũi vợ chồng để cởi mở, chia sẻ với bà H thì đều bị bà H từ chối. Bản thân ông không có quan hệ lăng nhăng với người phụ nữ khác, ông vẫn yêu thương gia đình, hằng ngày vẫn lo phụ vợ trong công việc gia đình và cũng có chở con

cái đi học, chỉ lâu lâu thì có nhậu vào buổi tối với bạn bè nhưng không nhậu thường xuyên. Hai vợ chồng đã ly thân đã hai năm nay. Thật sự, ông không nhận thấy vì lý do gì mà bà H lại muốn ly hôn. Các con của ông bà đang trong tuổi lớn khôn, gia đình nội ngoại hai bên đều không ai mong muốn hôn nhân của ông bà đổ vỡ. Ông và bà H có sự chênh lệch về tuổi tác rất lớn nhưng ông đã cố gắng hết mức và yêu thương bà H rất nhiều nên ông bà mới đến được với nhau. Do đó, ông hy vọng bà H suy nghĩ cân nhắc lại việc ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà H và nhờ Tòa hòa giải để ông bà được đoàn tụ gia đình và cùng chăm lo cho các con.

Xét thấy, phần trình bày của bà H và ông H thể hiện mâu thuẫn của ông bà cũng chỉ mới phát sinh trong thời gian gần đây, nguyên nhân là do nền kinh tế xã hội gần đây gặp nhiều khó khăn, do đó công việc của ông H làm không tốt nên kinh tế trong gia đình có phần suy giảm, bản thân bà H xưa nay chỉ ở nhà nội trợ và lo cho con cái nhưng nay với sức ép của kinh tế buộc bà phải đi làm công nhân để phụ lo cho gia đình. Từ những gánh nặng về kinh tế làm cho cuộc sống của ông bà ngột ngạt, vợ chồng ít nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng ông H cũng có ăn nhậu, từ đó đã phát sinh những hiểu lầm nhau. Ông bà có ba con chung là Cao Nguyễn H, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/8/2012, Cao Nguyễn Nhật K, sinh ngày 10/9/2018, các con còn rất nhỏ. Bản thân ông H và bà H hiện tại đều không có công việc và thu nhập ổn định. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là nhỏ và cũng chỉ mới phát sinh, ông bà có ba con còn rất nhỏ, đang tuổi ăn học nên cần tạo điều kiện để bà H, ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng lo cho các con là cần thiết nên yêu cầu ly hôn của bà H là không có cơ sở. Ngoài lời trình bày của bà H, bà cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này là có căn cứ, theo quy định của các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa, tuy ông H không đến tham dự phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông H đã có mong muốn có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và mong muốn bà H cởi mở tấm lòng để vợ chồng hóa giải những mâu thuẫn trong thời gian tới. Xét thấy phần trình bày này của ông H là có căn cứ phù hợp với hoàn cảnh vợ chồng bà H, ông H hiện nay.

Xét thấy gia đình là một tế bào của xã hội, nếu gia đình phát triển tốt thì góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. Trong trường hợp của gia đình bà H, ông H có mâu thuẫn nhỏ và do sự hiểu lầm nhau mà bà H yêu cầu ly hôn là chưa hợp lý, cần tạo điều kiện cho cả hai có cơ hội sữa chữa, khắc phục những mâu thuẫn để cùng nhau hòa hợp hơn trong đời sống vợ chồng, xây dựng gia đình H phúc cùng nhau nuôi dạy các con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 5, 17, 19, 52, 54, 69 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ly hôn

với ông H và cho vợ chồng trở về đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con và xây dựng gia đình H phúc là phù hợp.

[4] Về con chung, về tài sản chung, về nghĩa vụ dân sự chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, các bên đương sự cũng không còn yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xét các nội dung này.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn ông Cao Văn H; giao 03 người con chung Cao Nguyễn H, Cao Nguyễn Gia H và Cao Nguyễn Nhật K cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi bà H có yêu cầu; về quan hệ nợ chung: Không có; về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Xét đề nghị này của Viện kiểm sát là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ mâu thuẫn giữa bà H và ông H chỉ là mâu thuẫn nhỏ và do sự hiểu lầm nhau mà bà H yêu cầu ly hôn là chưa hợp lý, cần tạo điều kiện cho cả hai có cơ hội sữa chữa, khắc phục những mâu thuẫn để cùng nhau hòa hợp hơn trong đời sống vợ chồng và cùng nhau nuôi dạy ba con chung đang còn rất nhỏ.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 9, Điều 17, Điều 19, Điều 52, Điều 54, Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm c Khoản 10 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với bị đơn là ông Cao Văn H.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 01 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0083385 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo